

BÁO CÁO

**sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017
của Ban Bí thư “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”**

Thực hiện Công văn số 3535-CV/BKTTW, ngày 19/6/2019 của Ban Kinh tế Trung ương về việc báo cáo tình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo với những nội dung như sau:

PHẦN I

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
TRƯỚC KHI CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW BAN HÀNH
(GIAI ĐOẠN 2011 - 2016)**

I- HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Hiện trạng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp 2011 - 2016

- Đến năm 2016, diện tích rừng của tỉnh là 8.975,65 ha, tăng 1.467,78 ha so với năm 2011, gồm: Rừng tự nhiên 2.964,92 ha, rừng trồng 6.010,73 ha (*trong đó rừng trồng đã thành rừng 4.590,90 ha, rừng trồng chưa thành rừng 1.419,83 ha*), góp phần nâng độ che phủ rừng toàn tỉnh từ 3,21% năm 2011 lên 3,3% năm 2016.

- Về cơ cấu loài cây trồng: Diện tích rừng của tỉnh tập trung ở các huyện ven biển và cửa sông với các loài cây như: Phi lao, bần, đước, dừa nước và hỗn giao ngập mặn (đưng, mắm, tra, cóc, su), cụ thể: Rừng tự nhiên 2.964,92 ha, chiếm 33% tổng diện tích rừng (*bần 1.135,38 ha, hỗn giao ngập mặn 1.829,54 ha*); rừng trồng 6.010,73 ha, chiếm 67% (*phi lao 424,68 ha; bần 1.186,81 ha; đước 2.281,75 ha; dừa nước 69,16 ha và hỗn giao ngập mặn 2.048,33 ha*).

- Theo điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2020 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn (Nghị quyết số 06/NQ-HĐND, ngày 17/7/2015) và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (Quyết định số 1709/QĐ-UBND, ngày 14/10/2015) thì tổng diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch đến năm 2020 là 23.984,53 ha, trong đó: Diện tích quy hoạch phát triển rừng là 12.256,13 ha, còn lại là diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản

tập trung ở các huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải, Càng Long, Trà Cú, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh.

2. Hiện trạng tài nguyên rừng năm 2017 và 2018

- Trong 02 năm (2017 - 2018), tỉnh tiếp tục trồng mới diện tích rừng phòng hộ được 74,4 ha, nâng tổng số đến cuối năm 2018 toàn tỉnh có 9.006,22 ha gồm: Rừng tự nhiên: 2.960,8 ha; rừng trồng: 6.045,42 ha (*trong đó rừng trồng đã thành rừng: 5.461,25 ha; rừng trồng chưa thành rừng: 584,17 ha*), góp phần nâng độ che phủ rừng toàn tỉnh từ 3,3% năm 2016 lên 3,6% năm 2018.

- Về cơ cấu loài cây trồng: Rừng tự nhiên 2.960,8 ha chiếm 32,87% tổng diện tích rừng (*bần 1.131,26 ha, hỗn giao ngâp mặn 1.829,54 ha*); rừng trồng 6.045,42 ha, chiếm 67,13% (*phi lao 424,68 ha; bần 1.221,50 ha; đước 2.116,15 ha; dừa nước 69,16 ha và hỗn giao ngâp mặn 2.213,93 ha*).

II- ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

1. Kết quả đạt được

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng luôn được thực hiện thường xuyên, tạo sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động của chính quyền các cấp, cộng đồng và người dân sống ven rừng.

- Công tác kiểm tra, giám sát bảo vệ rừng được tăng cường, kịp thời kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế tình trạng chặt phá, mua bán, cất giữ, vận chuyển, chế biến, kinh doanh lâm sản trái pháp luật trên địa bàn tỉnh. Các dự án liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp được kiểm tra, giám sát chặt chẽ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các dự án vi phạm, hạn chế thiệt hại rừng. Từ năm 2011 đến năm 2016, phát hiện và xử lý 193 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, xử lý 164 đối tượng, xử phạt hành chính và nộp vào Ngân sách Nhà nước 734 triệu đồng.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ động xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, đầu tư cho công tác vệ sinh rừng phi lao (thu gom thực bì chôn lấp), duy tu, sửa chữa, xây dựng, mua sắm bổ sung các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng; duy trì chế độ thường trực 24/24 giờ trong suốt thời gian nắng nóng, đặc biệt tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; nhờ đó, tỉnh chưa để xảy ra cháy rừng.

- Công tác giao khoán bảo vệ rừng: Diện tích ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng hàng năm giai đoạn 2011 - 2016 là 4.670 ha có hơn 4.100 hộ nhận khoán với mức hỗ trợ là 500.000 đồng/ha/năm, từ đó diện tích rừng phòng hộ được giữ vững

và phát triển mới hàng năm, góp phần hạn chế xói lở, chắn gió, bảo vệ bờ biển, ổn định môi trường sinh thái cho sản xuất nông nghiệp.

- Công tác phát triển rừng luôn được quan tâm, huy động được nhiều nguồn đầu tư phát triển, giai đoạn 2011 - 2016 trồng mới 1.055 ha rừng tập trung, chăm sóc 2.860 ha rừng trồng, khoanh nuôi tái sinh gần 135 ha, trồng 2,22 triệu cây phân tán các loại. Việc lựa chọn cơ cấu cây trồng khá phù hợp với điều kiện lập địa của từng địa phương, cải tiến chất lượng cây giống và đổi mới quy trình kỹ thuật trồng rừng phù hợp với thực tế. Tỷ lệ sống và sinh trưởng của cây rừng khá tốt góp phần ổn định môi trường sinh thái khu vực và duy trì hệ sinh thái đặc trưng vùng rừng ngập mặn ven biển.

- Sự phối hợp tốt giữa các lực lượng chức năng (Kiểm lâm, Công an, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự) và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trước khi có Chỉ thị số 13-CT/TW chủ yếu là nhiệm vụ của chính quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước, chưa huy động mạnh mẽ cả hệ thống chính trị, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia chung tay thực hiện.

- Trà Vinh là tỉnh có kinh tế - xã hội khó khăn, nguồn vốn đầu tư cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hạn chế, chủ yếu là vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thông qua các chương trình, dự án nhưng thường được phân bổ trễ hơn so với kế hoạch thực hiện làm ảnh hưởng đến chất lượng cây trồng và thời vụ trồng rừng.

- Chính sách hỗ trợ trồng rừng, khoán bảo vệ rừng còn thấp và có sự ràng buộc lớn về chuyển đổi loại rừng từ rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất nên đời sống của người dân làm nghề rừng còn nhiều khó khăn và chưa tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được quyền khai thác rừng trồng để nâng cao thu nhập và tái đầu tư trồng rừng một cách hiệu quả hơn.

- Lực lượng công chức, viên chức lâm nghiệp và trang thiết bị, phương tiện, kết cấu hạ tầng chưa đầy đủ để đáp ứng nhu cầu công việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Diện tích rừng của tỉnh chủ yếu nằm ven biển, hàng năm đều bị sạt lở mất diện tích đất rừng và rừng tập trung ở các vùng sâu, vùng xa điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, phần nào ảnh hưởng đến công tác tuần tra bảo vệ rừng, từ đó đôi lúc còn xảy ra một số vụ vi phạm làm thiệt hại rừng. Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa diện tích rừng và mặt nước nuôi thủy sản dẫn đến diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp và tỷ lệ trồng rừng không đạt theo quy hoạch.

- Nhiều diện tích rừng và đất lâm nghiệp chưa có chủ thực sự, cơ quan kiểm lâm vừa đóng vai trò là cơ quan quản lý, giám sát lại vừa đóng vai trò là chủ rừng. Công tác giao rừng gắn với giao đất chưa được thực hiện, nhiều diện tích đất lâm nghiệp được giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ giao rừng; đồng thời, xác định ranh giới, cắm mốc ngoài thực địa chưa được thực hiện tốt.

*** Nguyên nhân**

- Về cơ chế, chính sách: Trung ương ban hành quy định chung cho cả nước, nhưng khi áp dụng ở địa phương thì một số cơ chế, chính sách không phù hợp với tình hình thực tế.

- Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện: Do ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu biến đổi bất thường, công tác chỉ đạo khôi phục rừng hàng năm gặp nhiều khó khăn; công tác phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương đôi lúc chưa chặt chẽ.

- Nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ bảo vệ rừng còn thấp nên chưa đủ để người dân gắn bó với rừng; đời sống dân cư sống trong và ven rừng còn khó khăn nên vẫn có tình trạng lén lút vào rừng khai thác củi để bán. Việc lấn đất rừng nuôi tôm diễn ra thường xuyên gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chưa có Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh nên chưa triển khai giao rừng theo đúng quy định.

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ

I- CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Quản triệt Chỉ thị số 13-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch số 45-KH/TU, ngày 03/5/2017 để cụ thể hóa tổ chức thực hiện trong toàn Đảng bộ. Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức triển khai, quán triệt Chỉ thị số 13-CT/TW và Kế hoạch số 45-KH/TU đến cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ và phổ biến rộng rãi đến đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân. Chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các kế hoạch, nội dung và dự toán kinh phí cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo quán triệt tổ chức phổ biến Luật Lâm nghiệp và các văn bản liên quan, giáo dục pháp luật đến các địa phương, các hộ gia đình. (kèm Phụ lục 01)

II- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỪ KHI CÓ CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW

1. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền Chỉ thị số 13-CT/TW, Chương trình hành động của Chính phủ và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch số 45-KH/TU và Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 02/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*Về tăng cường công tác trồng, quản lý và bảo vệ cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh*” luôn được thực hiện thường xuyên đến cán bộ, đảng viên và phổ biến rộng rãi đến đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân, kết quả có trên 98% đảng viên được học tập, quán triệt. Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, đảng viên và mỗi cá nhân đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách và cách thức thực hiện quản lý, bảo vệ và phát triển rừng sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, tạo điều kiện cho cả hệ thống chính trị và nhân dân hiểu rõ mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xác định được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu và tiềm năng về du lịch sinh thái rừng ngập mặn ven biển tỉnh Trà Vinh. Từ năm 2017 đến nay, tổ chức được 47 cuộc tuyên truyền có 1.340 hộ dân tham dự tập trung chủ yếu trên địa bàn các huyện có diện tích rừng quy mô lớn như: Cầu Ngang, huyện Châu Thành, huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

Qua công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, thấy được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. (*kèm Phụ lục 02*)

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

2.1. Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp

- Đối với cấp tỉnh: Thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV, ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND, ngày 01/4/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đặc biệt là kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Theo đó, bộ máy quản lý về lĩnh vực lâm nghiệp được thành lập mới 01 đơn vị là Ban Quản lý rừng phòng hộ, nâng lên thành 02 đơn vị, gồm: Chi cục Kiểm lâm 35 người (07 công chức, 28 viên chức và 03 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP); Ban quản lý rừng phòng hộ 22 người (20 viên chức và 02 hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) có nhiệm vụ giúp Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với cấp huyện: Củng cố hoạt động của 02 Hạt Kiểm lâm liên huyện Châu Thành và Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải thuộc hệ thống ngành dọc của Chi cục Kiểm lâm vừa tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và vừa tham mưu cho Chi cục Kiểm lâm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý lâm sản và động vật hoang dã trên địa bàn; phối hợp với các đơn vị vũ trang địa bàn huy động lực lượng, phương tiện để ngăn chặn, ứng cứu với các vụ cháy rừng và những vụ phá rừng nghiêm trọng trong những tình huống cần thiết và cấp bách.

- Đối với cấp xã: Hiện trên địa bàn tỉnh có 04 Trạm quản lý bảo vệ rừng cấp xã ở các khu vực có diện tích rừng tập trung, quy mô lớn, bình quân mỗi trạm có 02 nhân viên, đối với diện tích rừng không tập trung, đơn vị chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Nhìn chung, bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp từng bước được kiện toàn, hệ thống tổ chức ở cơ sở được sắp xếp, đổi mới phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trong lĩnh vực lâm nghiệp được chú trọng; hàng năm các đơn vị lâm nghiệp, kiểm lâm thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, ngày 27/10/2007, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP, ngày 01/11/2013 của Chính phủ, thực hiện luân chuyển công chức phù hợp với từng vị trí công tác, phát huy năng lực, sở trường của các cán bộ, công chức, nâng cao hiệu quả công việc.

2.2. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách khoán bảo vệ rừng theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với mức khoán là 500.000 đồng/ha/năm.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn làm Phó Trưởng Ban, các thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban

nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 2542/QĐ-UBND, ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được giao, cho thuê đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhằm góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2295/QĐ-UBND, ngày 11/12/2015 về thành lập Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh và củng cố Hội đồng quản lý Quỹ do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn làm Phó Chủ tịch, 05 ủy viên gồm lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ và Kho bạc Nhà nước chi nhánh tỉnh.

2.3. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và liên tục để bảo vệ diện tích rừng và động vật hoang dã hiện có trên địa bàn tỉnh. Sau hơn 02 năm, toàn tỉnh tổ chức được 2.297 lượt tuần tra truy quét xử lý vi phạm trong quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, phát hiện 28 vụ vi phạm, tiến hành xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật góp phần răn đe được các đối tượng vi phạm và hạn chế các vụ vi phạm xâm hại rừng và động vật hoang dã.

3. Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có tác động đến diện tích, chất lượng rừng

Từ năm 2017 đến nay, trên địa bàn tỉnh có 05 dự án chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác diện tích 19,13 ha (thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương), cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải, diện tích chuyển đổi rừng là 8,72 ha.

- Khu bến tổng hợp Định An huyện Duyên Hải, diện tích chuyển đổi rừng là 4,89 ha.

- Công trình đê ven cửa sông Cổ Chiên tại thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, diện tích chuyển đổi rừng là 4,46 ha.

- Dự án xây dựng khu du lịch tham quan nghỉ dưỡng Ba Động, ấp Cồn Trúng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, diện tích chuyển đổi rừng là 0,78 ha.

- Dự án Nghiên cứu tạo ra tôm sú bố mẹ sạch bệnh phục vụ cho các trại sản xuất giống ở tỉnh Trà Vinh, diện tích chuyển đổi rừng là 0,28 ha.

- Diện tích rừng bị thiệt hại đang được thiết kế trồng rừng thay thế để bổ sung lại diện tích rừng đã mất. Các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đều thực hiện đúng theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh (*kèm Phụ lục 03*).

4. Điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng

- Tỉnh đang thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo đó, từ nay đến năm 2020 thực hiện hoàn thành: Điều tra, xác định hiện trạng rừng; thực hiện giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất và thu hồi rừng; xác định hạn mức và thời hạn giao rừng, cho thuê rừng - thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp; hoàn thiện hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp. Đồng thời, đang triển khai cắm mốc ranh giới rừng tại huyện Cầu Ngang, năm 2020 sẽ thực hiện ở huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững do Trung ương đầu tư.

- Ngoài ra, tỉnh đang hoàn chỉnh Phương án rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để triển khai thực hiện nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được quyền khai thác rừng trồng để nâng cao thu nhập và tái đầu tư trồng rừng một cách hiệu quả hơn.

5. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương

- Sau khi Chỉ thị số 13-CT/TW được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch số 45-KH/TU và Chỉ thị số 38-CT/TU để cụ thể hóa, đã tạo được sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, phát huy được sức mạnh của toàn xã hội trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; 100% các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương trên toàn tỉnh được tuyên truyền, quán triệt Chỉ thị, đã phát huy được vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Công tác phối hợp trong bảo vệ và phát triển rừng giữa các lực lượng chức năng (kiểm lâm, công an, biên phòng, quân sự), chính quyền địa phương, các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh được tăng cường, huy động được cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Qua đó, các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng đều được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định pháp luật, nhất là các vụ việc về phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật, săn bắt động vật hoang dã quý hiếm...

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện có rừng chỉ đạo đơn vị chuyên môn xử lý triệt để các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn mình quản lý, tuyệt đối không để cho các tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Rà soát, sắp xếp vị trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với trình độ chuyên môn theo năng lực, sở trường và nâng cao trách nhiệm trong công tác; lực lượng Kiểm lâm địa bàn thực hiện tốt công tác tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở ngăn chặn hành vi xâm hại tài nguyên rừng và cập nhật diễn biến tài nguyên rừng thường xuyên để có những chính sách tác động kịp thời.

6. Phát triển rừng, nâng cao giá trị của rừng

6.1. Quản lý nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp

- Thời gian qua, được sự hỗ trợ đầu tư của Trung ương đã xây dựng được 02 khu rừng giống lâm nghiệp: Khu rừng đước giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải với diện tích 50 ha; khu rừng bần giống tại xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang với diện tích 18 ha để chủ động nguồn giống có chất lượng phục vụ trồng rừng trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tỉnh đã xây dựng được 02 vườn ươm cây giống: Vườn ươm cây giống tại ấp Năm, xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, diện tích 12 ha; vườn ươm cây giống tại ấp Giồng Giếng, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, diện tích 2,2 ha.

- Đối với các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất giống phục vụ trồng cây lâm nghiệp phân tán và trồng rừng tập trung⁽¹⁾: Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng cây giống để bảo đảm cho việc trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán có hiệu quả.

6.2. Đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, ven sông

Công tác trồng rừng luôn được quan tâm, chú trọng, từ năm 2017 đến tháng 8/2019, từ nguồn vốn đầu tư của các dự án lâm sinh toàn tỉnh trồng mới 247,57 ha rừng phòng hộ, từ nay đến cuối năm 2019 trồng thêm 15 ha tập trung, trồng các loại cây rừng như: Phi lao, bần, đước, dừa nước và hỗn giao ngập mặn (đưng, mắm...). Đồng thời, tổ chức chăm sóc 1.052 ha và trồng 200 ngàn cây lâm nghiệp phân tán. Việc lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp với từng điều kiện lập địa, chất lượng cây giống ngày càng được quan tâm, quy trình kỹ thuật trồng rừng được áp dụng chặt chẽ theo đúng quy trình quy định nên năng suất và chất lượng rừng trồng được nâng lên so với trước đây. Kết quả thực hiện của các dự án như sau:

⁽¹⁾ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Thanh Lan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mơ phù xanh.

- Dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh: Trồng mới 79 ha rừng bản, chăm sóc rừng 409,54 ha, trồng cây phân tán 200.000 cây phân tán gỗ lớn.

- Dự án đầu tư Trồng rừng phòng hộ tại tỉnh Trà Vinh (Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững của Chính phủ), chủ đầu tư: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Mùa Vàng chăm sóc rừng 642,71 ha, trồng mới 59,5 ha.

- Dự án Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu, quy mô thực hiện trồng 29,9 ha.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Gây bồi tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, trồng mới 18,84 ha.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Chống xói lở, gây bồi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, trồng mới 11,43 ha.

- Phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công xây dựng Trung tâm Điện lực huyện Duyên Hải, trồng mới 31,9 ha rừng bản.

- Kế hoạch trồng rừng ngập mặn và giáo dục môi trường tại tỉnh Trà Vinh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển cộng đồng theo Chương trình Trồng cây xanh vì hành tinh xanh do Trung tâm Môi trường và Phát triển nguồn lực cộng đồng (CECAD) thực hiện trồng 17 ha rừng bản tại xã Mỹ Long Nam huyện Cầu Ngang, từ nay đến cuối năm 2019 sẽ trồng mới thêm 15 ha.

Nhìn chung công tác trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển được tiến hành thường xuyên, mang lại hiệu quả đáng kể thông qua diện tích rừng ngày càng được mở rộng, phát huy hiệu quả cố định phù sa, ổn định và mở rộng bãi bồi, góp phần hạn chế xói lở bờ biển, che chắn gió bão, bảo vệ bờ biển và sản xuất nông nghiệp vùng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng (kèm Phụ lục 04).

6.3. Kết quả trồng rừng thay thế

Để khôi phục lại diện tích rừng bị mất do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, từ năm 2017 đến nay, tỉnh trồng rừng thay thế được 61,8 ha, cụ thể: Phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công xây dựng Trung tâm Điện lực Duyên Hải, quy mô thực hiện trồng 31,9 ha, đạt 100% kế hoạch; Dự án Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang thi công Luồng tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu, quy mô thực hiện trồng 29,9 ha, đạt 100% kế hoạch (kèm Phụ lục 05).

6.4. Ổn định dân di cư tự do, hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm, an sinh xã hội cho người dân tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP

Triển khai hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP cho 13 hộ, với diện tích 5,25 ha, mức hỗ trợ 700.000 đồng/ha (ngân sách Trung ương 500.000 đồng/ha, ngân sách địa phương 200.000 đồng/ha) tại thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải.

7. Công tác quản lý, bảo vệ rừng và dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên

7.1. Công tác bảo vệ rừng

- Hàng năm, thực hiện khoán bảo vệ rừng cho 10 tổ chức và 82 nhóm hộ đại diện cho 3.873 hộ gia đình với diện tích khoán khoảng 5.300 ha tập trung tại huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

- Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, kịp thời kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Từ năm 2017 đến nay, tổ chức tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản được 2.297 lượt, phát hiện 28 vụ vi phạm làm thiệt hại 7.382 m² diện tích rừng và 6,2 m³ gỗ thông thường, ra quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền là 153,75 triệu đồng.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng đã được cấp ủy, chính quyền các cấp chủ động thực hiện, triển khai khá đồng bộ từ xây dựng và triển khai thực hiện Phương án phòng cháy chữa cháy rừng sát đúng với thực tế, hàng năm thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng cháy rừng với diện tích khoảng 260 ha/năm rừng phi lao; đầu tư tu sửa chữa các cụm pano tuyên truyền, mua sắm các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy rừng; chủ động “4 tại chỗ”; duy trì chế độ thường trực 24/24 giờ trong suốt thời gian mùa khô, đặc biệt là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng, thông tin cảnh báo cháy rừng đến mọi tầng lớp nhân dân và buộc các hộ dân vùng ven rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn. Qua đó, diện tích rừng phi lao tiếp tục giữ vững trong các mùa khô (*kèm Phụ lục 06*).

7.2. Kiểm soát việc chuyển diện tích rừng tự nhiên sang mục đích khác

Các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hầu hết là diện tích rừng trồng, được rà soát, thống kê, xử lý bảo đảm đúng quy hoạch, đúng pháp luật và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải; Khu bến tổng hợp Định An huyện Duyên Hải; Công trình đê ven cửa sông Cổ Chiên tại thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang; Dự án xây dựng khu du lịch tham quan nghỉ dưỡng Ba Động tại ấp Cồn trụng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; Dự án nghiên cứu tạo ra tôm sú bố mẹ sạch bệnh phục vụ cho các trại sản xuất giống ở tỉnh Trà Vinh.

8. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Trong 02 năm qua, tỉnh tranh thủ được nguồn vốn hỗ trợ của Tổ chức UNEP Hàn Quốc đầu tư trồng rừng thông qua Chương trình “*Trồng cây xanh vì hành tinh xanh*” nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển cộng đồng. Tỉnh ủy chỉ đạo ngành nông nghiệp phối hợp với Trung tâm Môi trường và Phát triển nguồn lực cộng đồng (CECAD) xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch trồng rừng ngập mặn và giáo dục môi trường tại tỉnh Trà Vinh, kết quả đã trồng được 17 ha và dự kiến từ nay đến cuối năm 2019 sẽ trồng tiếp 15 ha, nâng tổng diện tích trồng rừng từ Chương trình này là 32 ha.

9. Tổ chức thực hiện

Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiêm túc chỉ đạo, triển khai thực hiện, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được các cấp ủy, chính quyền quan tâm thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện chỉ thị về các mặt bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phát triển rừng và bảo tồn thiên nhiên, tình hình kiểm tra, kiểm soát lâm sản và động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh. Qua các đợt kiểm tra để có báo cáo kết quả thực hiện và đề ra phương hướng khắc phục những tồn tại hạn chế và đề xuất các giải pháp thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt hơn.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ

1. Đánh giá về ý nghĩa của việc ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW trên thực tế của địa phương tại các mặt

- Từ khi Chỉ thị số 13-CT/TW được ban hành, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tích cực vào cuộc thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chỉ thị và các văn bản liên quan đến cán bộ địa phương, quần chúng nhân dân, nhất là các hộ dân sống ven rừng. Qua đó, nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân, tổ quản lý bảo vệ rừng, cộng đồng dân cư sống ven rừng được nâng lên; đồng thời, nâng cao vai trò giám sát của người dân từ đó công tác bảo vệ và phát triển rừng tốt hơn.

- Công tác rà soát quy hoạch 03 loại rừng được triển khai thực hiện; xây dựng và thực hiện đề án giao đất giao rừng góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát triển rừng. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng phòng hộ luôn được giám sát, kiểm tra thực hiện đúng theo quy định.

- Thực hiện thường xuyên công tác phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền pháp luật quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân sống trong và ven rừng phi lao trên địa bàn các huyện có rừng.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho các tổ quản lý bảo vệ rừng hàng năm để nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện tốt các dự án đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ trong tỉnh. Rừng ngập mặn là môi trường sống và nơi cư trú của các loài thủy sinh vật, từ khi hệ sinh thái rừng ngập mặn được khôi phục, đã tạo môi trường thuận lợi cho cua, cá, nghêu, vọp, sò... cư trú và sinh sản góp phần tạo thêm nguồn thu nhập của người dân.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đúng pháp luật, đúng quy hoạch kế hoạch, đúng mục đích và đạt hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái, lấn biển chống xói mòn bờ biển, sông rạch, góp phần hiệu quả trong công tác ứng phó với biến đổi

khí hậu và nước biển dâng. Phát huy tốt tiềm năng, nguồn lực của rừng và đất lâm nghiệp, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

2. Về công tác bảo vệ rừng và đóng cửa rừng tự nhiên

- Chủ động trong việc khoán bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải; kiểm tra nhắc nhở các tổ chức, hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng thường xuyên kiểm tra rừng để phát hiện và báo cáo cơ quan chức năng xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng.

- Triển khai thực hiện Đề án giao đất giao rừng cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình để rừng thực sự có chủ.

- Từ 2017, thực hiện nghiêm túc hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đóng cửa khai thác chính gỗ rừng tự nhiên. Tỉnh Trà Vinh không thực hiện khai thác gỗ rừng tự nhiên.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng

- Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước; phân công, phân cấp cụ thể; thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao; hoàn thiện bộ máy tổ chức, quản lý sản xuất của ngành lâm nghiệp từ tỉnh đến cơ sở; bổ sung đủ cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị quản lý rừng, ngoài ra phối hợp với các lực lượng, chính quyền các xã có đất lâm nghiệp và các hộ gia đình, các tổ chức xã hội tham gia quản lý, bảo vệ rừng thực hiện xã hội hóa nghề rừng trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng từng bước được hoàn thiện. Ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng được nâng lên, thấy rõ được vai trò đặc biệt quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

PHẦN III

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I- NHẬN ĐỊNH DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Hệ thống rừng ngập mặn ven biển của tỉnh luôn chịu sức ép rất lớn từ tác động của điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, nhất là tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các hoạt động thiếu ý thức của một bộ phận nhỏ cộng đồng dân cư ven biển đã làm suy giảm diện tích và chất lượng rừng, tình trạng lún đất rừng để nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp còn tiếp diễn; công tác quy hoạch, bảo vệ, phát triển rừng chưa đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch

khác có liên quan; công tác thu phí dịch vụ chi trả môi trường rừng còn nhiều vướng mắc khó triển khai thực hiện; hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng còn thiếu, xuống cấp chưa đáp ứng được nhiệm vụ là những yếu tố cần khắc phục để giảm thiểu tác động tiêu cực đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong thời gian tới.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW

1. Tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới hình thức, phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, phổ biến pháp luật cho toàn thể cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng nhiều hình thức và hoạt động cụ thể, kết hợp tuyên truyền trong các cuộc sinh hoạt chi bộ; hội nghị của các cơ quan, đơn vị; trên các phương tiện thông tin đại chúng... Đẩy mạnh hơn nữa phong trào toàn dân bảo vệ rừng, lồng ghép công tác bảo vệ rừng vào quy chế xây dựng làng văn hóa, quy chế của cộng đồng, khu dân cư. Tăng cường vai trò giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy cơ quan, tổ chức, địa phương đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tiếp tục kiện toàn và sắp xếp lại bộ máy tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển rừng từ tỉnh đến cơ sở; phân định rõ hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương có liên quan, nhất là các đơn vị, địa phương tham gia trực tiếp đến việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Rà soát, bổ sung và tăng cường công tác quản lý đối với các quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, gắn với Quy hoạch sử dụng đất của từng địa phương và Quy hoạch tỉnh bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, khả thi.

- Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả cao hơn nữa các chính sách của Trung ương và của tỉnh đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp; đồng thời, đề xuất cơ chế, chính sách mới về khoán bảo vệ rừng sau năm 2020. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm, an sinh xã hội cho người dân địa phương gắn với mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng, nhất là cho người dân làm nghề rừng; ưu tiên lồng ghép các chương trình, đề án, dự án có liên quan. Nhanh chóng triển khai thực hiện hoàn thành Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và phương án rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để khuyến khích,

tạo thuận lợi cho người dân và các thành phần kinh tế cùng tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương để thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác tuần tra, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý kịp thời và nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật nhằm thiết lập trật tự, kỷ cương trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chủ động, nâng cao năng lực, xử lý kịp thời, hiệu quả công tác phòng cháy chữa cháy rừng, sạt lở đất rừng ven sông, ven biển để hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng, sạt lở gây ra.

- Đẩy mạnh nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý hoặc để cho các tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Đẩy nhanh công tác rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có tác động tiêu cực đến diện tích, chất lượng rừng, đặc biệt là đối với rừng phòng hộ rất xung yếu, các dự án giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp; gắn với triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh và các Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có tác động đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường và quốc phòng an ninh đối với các dự án cải tạo rừng tự nhiên; dự án chuyển đổi rừng sang nuôi trồng thủy sản; đồng thời, có giải pháp nâng cao hiệu quả các dự án, trong đó chú trọng đến hiệu quả môi trường và bền vững sinh kế người làm nghề rừng.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là các dự án phát triển kinh tế. Kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân vùng dự án; đồng thời, xử lý nghiêm minh, công khai, minh bạch các tổ chức, cá nhân vi phạm, thiếu trách nhiệm trong công tác thẩm định, phê duyệt, cấp phép đầu tư.

4. Khẩn trương điều tra, đo đạc, xây dựng hồ sơ quản lý, phân định, đánh mốc ranh giới các loại rừng trên bản đồ và thực địa đến đơn vị hành chính cấp xã; cập nhật, bổ sung diện tích đất rừng trồng mới vào bản đồ và hồ sơ quản lý rừng các cấp. Điều tra, khảo sát, thống kê diện tích rừng phòng hộ ven sông, ven biển; hoàn thiện việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng vào năm 2020. Khắc phục và giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

5. Đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ và bảo vệ tốt các hệ sinh thái ngập nước ven biển, ven sông

- Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho công tác trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, ven sông; lập và triển khai thực hiện dự án trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng chuyển sang mục đích khác để khôi phục lại rừng; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia công tác trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng. Xây dựng và thực hiện Đề án cải tạo rừng kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phục hồi rừng ngập mặn bằng các giải pháp cải tạo mặt bằng trồng rừng mới tập trung; trồng rừng ven biển, ven sông bằng giải pháp xây dựng hàng rào giảm sóng, công trình phụ trợ gây bồi tạo bãi; trồng lại rừng sau khai thác đúng quy định; cải tạo, phục hồi, trồng bổ sung bảo đảm mật độ, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng. Xử lý nghiêm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành các quy định về trồng lại rừng sau khai thác, hủy hoại mặt bằng trồng rừng ngập mặn đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái ngập nước ven sông, ven biển, khu bảo tồn. Tăng cường quản lý bảo vệ động vật hoang dã và thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Triển khai và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ Trung ương, tài trợ nước ngoài cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

III- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

1. Xem xét, bố trí vốn đúng và kịp thời từ ngân sách Trung ương cho tỉnh để thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Trà Vinh năm 2020 với tổng nhu cầu vốn là 3,76 tỷ đồng.

2. Xem xét, bổ sung danh mục 09 dự án trồng rừng và trồng cây phân tán với tổng mức đầu tư là 244 tỷ đồng vào danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

- Dự án trồng cây lâm nghiệp phân tán tỉnh Trà Vinh, quy mô 625 ngàn cây, tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng.

- Đề án chuyển hóa rừng giống tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030, quy mô đầu tư 69 ha, tổng mức đầu tư 4 tỷ đồng.

- Đề án cải tạo rừng kém hiệu quả, sắp xếp lại rừng theo hướng tập trung, thuần loài kết hợp với nuôi trồng thủy sản huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến

năm 2025 và định hướng đến năm 2030, quy mô đầu tư cải tạo 824 ha rừng, tổng mức đầu tư 57 tỷ đồng.

- Dự án Đầu tư xây dựng Khu bảo vệ cảnh quan hệ sinh thái rừng ngập mặn Cồn Nặng, xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang, tổng mức đầu tư 15 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng Vườn thực vật lâm nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, quy mô đầu tư 01 ha, tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng.

- Dự án Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo hướng hiện đại, tổng mức đầu tư 19 tỷ đồng.

- Dự án phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, quy mô đầu tư trồng mới 70 ha rừng, tổng mức đầu tư 12 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng kèm mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở cửa sông, ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, quy mô đầu tư kèm mềm 15 km, trồng mới 90 ha rừng, tổng mức đầu tư 65 tỷ đồng.

- Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; quy mô đầu tư phòng cháy chữa cháy rừng 400 ha/năm, xây dựng đường phục vụ cho phòng cháy chữa cháy rừng và mua sắm trang thiết bị, tổng mức đầu tư 35 tỷ đồng.

- Dự án trồng rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh (*theo Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững của Chính phủ*), quy mô đầu tư 200 ha, tổng mức đầu tư 17 tỷ đồng.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Bộ NN&PTNT,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đ/c UVBCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

(*Đã ký*)

Kim Ngọc Thái

Phụ lục 01

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW TỈNH TRÀ VINH

STT	Cấp triển khai	Văn bản triển khai Chỉ thị		Kế hoạch triển khai Chỉ thị		Hội nghị triển khai Chỉ thị			Ghi chú
		Tên văn bản (công văn, Nghị quyết...)	Ngày ban hành	Tên kế hoạch	Ngày ban hành	Tên hội nghị	Ngày tổ chức	Số lượng người tham dự	
I	Tỉnh ủy								
1				Kế hoạch số 45	Ngày 03/5/2017				
2		Chỉ thị số 38-CT/TU	Ngày 02/8/2018						
II	Ủy ban nhân dân tỉnh								
1		Công văn số 2643/UBND-NN	14/7/2017						
2		Công văn số 1151/UBND-NN	6/4/2018						
3		Công văn số 2209/UBND-NN	17/6/2019						
4		Công văn số 2572/UBND-NN	10/7/2019						

Phụ lục 02

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
THEO CHỈ THỊ 13-CT/TW TỈNH TRÀ VINH**

STT	Tên đơn vị	Tập huấn		Tuyên truyền lưu động		Ghi chú
		Số lớp	Số người tham gia	Hình thức tuyên truyền lưu động	Số lần	
1	Thành phố Trà Vinh	1	35			
2	Huyện Châu Thành	9	270			
3	Huyện Cầu Ngang	13	295			
4	Huyện Duyên Hải	13	390			
5	Thị xã Duyên Hải	11	350			
	Toàn tỉnh	47	1.340	Thông qua mạng nội bộ	20	Cho 600 cán bộ, công chức, viên chức

Phụ lục 03
BIỂU TỔNG HỢP CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
TỪ 01/01/2017 - 30/6/2019 TỈNH TRÀ VINH

STT	Tên dự án	Diện tích các dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng chia theo loại rừng					Diện tích rừng đã được chuyển mục đích sử dụng rừng				
		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Phòng hộ		Tổng	Tổng RTN	Tổng RT	Phòng hộ	
					RTN	RT				RTN	RT
I	Nhóm dự án quốc phòng - an ninh										
II	Nhóm dự án công trình công cộng an sinh xã hội										
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh						8,722		8,722		8,722
2	Khu bến tổng hợp Định An huyện Duyên Hải						4,890		4,890		4,890
3	Công trình đê ven cửa sông cổ Chiên						4,460		4,460		4,460
III	Nhóm dự án đầu tư công nghiệp, du lịch, thương mại										
1	Dự án xây dựng khu du lịch tham quan nghỉ dưỡng Ba Động tại ấp Côn trướng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải						0,780		0,780		0,780
2	Dự án Nghiên cứu tạo ra tôm sú bố mẹ sạch bệnh phục vụ cho các trại sản xuất giống ở tỉnh Trà Vinh						0,280		0,280		0,280

Phụ lục 04
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH TRÀ VINH

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện 3 năm					Ghi chú
		Khối lượng	2017	2018	T8/2019	ƯTH 2019	
I	Phát triển rừng						
1	Trồng rừng tập trung (1.000 ha)						
a	Rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	31,9	42,5	173,17	188,17	
b	Rừng sản xuất						
1	Trong đó: Rừng thâm canh gỗ lớn						
2	Khoanh nuôi tái sinh {1.000 ha/năm)						
3	Trồng cây phân tán	Cây	50.000	75.000	75.000	75.000	
II	Khai thác gỗ						
	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung						
III	Thu dịch vụ môi trường rừng						

Phụ lục 05

KẾT QUẢ TRỒNG RỪNG THAY THẾ TỈNH TRÀ VINH

STT	Tên Chương trình dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Năm chuyển mục đích sử dụng	Kết quả thực hiện								Ghi chú
				Tổng cộng (Tr.đồng)	Theo giai đoạn		Chia ra theo hình thức thực hiện					
					Lũy kế 31/12/2018	Năm 2019 (đến 30/5/2019)	Chủ dự án tự trồng (ha)	Bố trí từ nguồn NSNN (ha)	Nộp tiền trồng rừng thay thế (Tr. đồng)			
									Số tiền phải nộp	Đã nộp	Đã giải ngân	
V	Nhóm dự án đầu tư công nghiệp, du lịch, thương mại											
1	Dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện	31,905	2008	1.147,40		1.147,40			1.310,277	1.310,277	1.147,40	
2	Dự án Luồng tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu	29,914	2010	592,00		592			1362,679	1362,679	650,00	

Phụ lục 06
TỔNG HỢP KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG NĂM 2017 - 6/2019
TỈNH TRÀ VINH

TT	Hạng mục	ĐVT	Số liệu năm 2017	Số liệu năm 2018	Số liệu năm 2019 (08 tháng)	So sánh với cùng kỳ 2017(tăng +, giảm -)	
						SL	%
I	Số vụ vi phạm	Vụ	7	17	4	10	242,85
1	Phá rừng trái phép	Vụ	4	7	2	3	175
-	Phá rừng Đặc dụng	Vụ					
+	Rừng tự nhiên	Vụ					
+	Rừng trồng	Vụ					
-	Phá rừng phòng hộ	Vụ	4	7	2		
+	Rừng tự nhiên	Vụ	4	7	2		
+	Rừng trồng	Vụ					
-	Phá rừng sản xuất	Vụ					
+	Rừng tự nhiên	Vụ					
+	Rừng trồng	Vụ					
2	Khai thác rừng trái phép	Vụ	2	5	2	3	250
3	Quy định về PCCC rừng	Vụ					
-	Cháy rừng Đặc dụng	Vụ					
-	Cháy rừng phòng hộ	Vụ					
-	Cháy rừng sản xuất	Vụ					
4	Quy định về sử dụng đất lâm nghiệp	Vụ					
-	Vi phạm các quy định về quản lý động, thực vật hoang dã (Cites)	Vụ	1	2		1	200
5	Vận chuyển buôn bán lâm sản trái phép	Vụ		3		3	300
6	Vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản	Vụ					
7	Vi phạm khác	Vụ					
II	Số vụ đã xử lý	Vụ	7	17	4		242,85
-	Xử lý hình sự	Vụ					
+	Trong đó số bị can	Người					
-	Xử phạt hành chính	Vụ	7	17	4	10	242,85
III	Chống người thi hành công vụ	Vụ					
IV	Bị thiệt hại	Vụ	0,1456	0,5466	0,046	0,401	365,4
V	Thu nộp ngân sách	1000đ	34.400	108.650	10.700		
VI	Lâm sản tịch thu	m ³	2,11	4,08	0,459	197	193,3
-	Gỗ tròn	m ³	2,11	4,08	0,459		
+	Trong đó gỗ quý hiếm	m ³					
VII	Động vật rừng bị tịch thu						
-	Theo con	Con					
-	Theo trọng lượng	Kg	5	19			
+	Trong đó quý hiếm	Con					